

Số:68/SYT-NVY  
V/v Hướng dẫn công tác chuyển tuyển  
giữa các cơ sở khám, chữa bệnh  
BHYT trên địa bàn tỉnh

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 01 năm 2019

Kính gửi: Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính Phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế về Quy định chuyển tuyển giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ Y tế về Quy định đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu và chuyển tuyển khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BYT ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh lao;

Căn cứ Công văn số 10426/BYT-BH ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế về việc áp dụng các quy định phân tuyến chuyên môn kỹ thuật và chuyển tuyển trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Công văn số 978/BYT-BH ngày 25 tháng 02 năm 2016 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn Thông tư số 14/2014/TT-BYT;

Căn cứ Công văn số 4996/BHXH-CSYT ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về việc Triển khai thực hiện một số nội dung theo quy định tại Nghị định 146/2018/NĐ-CP;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và tình hình thực tiễn hiện nay, Sở Y tế hướng dẫn công tác chuyển tuyển đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế (BHYT) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

#### **I. CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ (BHYT):**

Hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT được áp dụng trên địa bàn tỉnh căn cứ Thông tư số 40/2015/TT-BYT, bao gồm các tuyến sau:

- 1. Tuyển trung ương và tương đương:** gồm các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế
  - Bệnh viện đa khoa Trung ương Huế;
  - Bệnh viện đa khoa Trung ương Huế - Cơ sở 2.

- 2. Tuyển tỉnh và tương đương:**

- Bệnh viện đa khoa tỉnh: Bệnh viện đa khoa Bình Điền; Bệnh viện đa khoa Chân Mây;
- Bệnh viện đa khoa hạng I, hạng II thuộc các Bộ, Ngành: Bệnh viện đa khoa trường Đại học Y Dược Huế; Bệnh viện đa khoa Quân Y 268;
- Bệnh viện chuyên khoa: Bệnh viện Tâm Thần; Bệnh viện Y học cổ truyền; Bệnh viện Mắt; Bệnh viện Răng Hàm Mặt; Bệnh viện Phục hồi Chức năng; Bệnh viện Lao&Bệnh phổi; Bệnh viện Phong&Da liễu;
- Phòng Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh.

### **3. Tuyển huyện và tương đương:**

- Bệnh viện đa khoa/ TTYT huyện, thị xã, thành phố: TTYT thành phố Huế, TTYT thị xã Hương Trà, TTYT huyện Phú Vang, TTYT thị xã Hương Thủy; TTYT huyện Phú Lộc; TTYT Phong Điền; TTYT Quảng Điền; TTYT Nam Đông; TTYT A Lưới;

- Bệnh viện đa khoa hạng III, hạng IV và chưa xếp hạng thuộc các Bộ, Ngành: Bệnh viện đa khoa Giao thông vận tải Huế;

- Bệnh viện tư nhân hạng III: Bệnh viện đa khoa Hoàng Việt Thắng; Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình-Phẫu Thuật tạo hình Huế;

- Các phòng khám đa khoa và tương đương: Các phòng khám đa khoa trực thuộc TTYT huyện/thị xã/thành phố Huế; Phòng khám đa khoa, Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC); Phòng khám bác sĩ gia đình thuộc Trung tâm Y học gia đình-Trường Đại học Y Dược Huế; Phòng khám Y tế cơ quan Bệnh viện đa khoa Trung ương Huế; Bệnh xá Công an tỉnh; các Phòng khám đa khoa ngoài công lập có tham gia khám chữa bệnh ban đầu BHYT.

### **4. Tuyển xã và tương đương:**

- Trạm Y tế xã/phường/thị trấn: 152 TYT thuộc TTYT huyện/thị xã/thành phố;

- Trạm Y tế, phòng y tế cơ quan và tương đương: TYT Công ty cổ phần Dệt may Huế, Phòng Y tế Bệnh viện Trung ương Huế cơ sở 2.

## **II. CHUYỂN TUYỂN GIỮA CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT**

### **1. Nguyên tắc chuyển tuyển điều trị:**

- Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn kỹ thuật thì cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế có trách nhiệm chuyển người bệnh kịp thời đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế khác theo quy định về chuyển tuyển chuyên môn kỹ thuật (Điều 27: Luật BHYT).

- Việc chuyển tuyển khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được thực hiện theo hệ thống chuyển tuyển của Sở Y tế quy định (Thông tư số 14/2014/TT-BYT)

### **2. Hệ thống chuyển tuyển**

#### **a. Chuyển người bệnh từ tuyển dưới lên tuyển trên liền kề/theo trình tự:**

- Bệnh không phù hợp với năng lực chẩn đoán và điều trị, danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được phê duyệt hoặc bệnh phù hợp với năng lực chẩn đoán và điều trị, danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được phê duyệt nhưng do điều kiện khách quan, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó không đủ điều kiện để chẩn đoán và điều trị.

- Căn cứ vào danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt của các đơn vị cùng tuyển trên địa bàn (tuyển huyện/tuyển tỉnh/tuyển trung ương) mà không có dịch vụ kỹ thuật phù hợp thì cơ sở khám chữa bệnh được chuyển lên tuyển cao hơn liền kề.

*\* Lưu ý: Đối với các PKĐK/chuyên khoa có khám, chữa bệnh BHYT ưu tiên chuyển người bệnh đến bệnh viện/TTYT tuyển huyện và tương đương trên địa bàn nếu có danh mục kỹ thuật phù hợp. Nếu các bệnh viện/ TTYT tuyển huyện và tương đương trên địa bàn không có danh mục kỹ thuật phù hợp thì được chuyển lên tuyển trên liền kề theo danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt, ưu tiên chuyển đến các bệnh viện chuyên khoa tuyển tỉnh theo danh mục kỹ thuật chuyên khoa đã được phê duyệt.*

#### **b. Chuyển người bệnh cùng tuyển:**

- Bệnh không phù hợp với danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được phê duyệt hoặc bệnh phù hợp với danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được phê duyệt nhưng do điều kiện khách quan cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không đủ điều kiện chẩn đoán và điều trị;

- Bệnh phù hợp với danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng tuyến dự kiến chuyển đến đã được phê duyệt.

\* **Lưu ý:** Đối với phòng khám chuyên khoa điều trị nghiện chất (bằng Methadol); điều trị bệnh nhân nhiễm HIV (bằng thuốc kháng vi rút HIV) - Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC): các cơ sở KCB tuyến huyện, tuyến tỉnh được chuyển bệnh nhân đến điều trị các cơ sở trên khi vượt quá khả năng chuyên môn.

### **3. Chuyển người bệnh từ tuyến dưới lên tuyến trên không liền kề (không theo trình tự) :**

Cơ sở khám, chữa bệnh căn cứ vào danh mục kỹ thuật của các đơn vị khám, chữa bệnh tuyến trên liền kề đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nếu các đơn vị khám, chữa bệnh tuyến trên liền kề đó không có danh mục kỹ thuật phù hợp; thì các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được chuyển người bệnh lên các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên không liền kề.

#### **a) Tuyến xã chuyển lên tuyến tỉnh:**

- Căn cứ vào danh mục kỹ thuật của TTYT huyện/thị xã/thành phố trên địa bàn quản lý đã được Sở Y tế phê duyệt, nếu TTYT đó không có danh mục kỹ thuật phù hợp, thì các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến xã được chuyển người bệnh lên các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến tỉnh phù hợp DMKT đã được phê duyệt, ưu tiên chuyển đến các bệnh viện chuyên khoa Tuyến tỉnh theo DMKT chuyên khoa đã được phê duyệt.

- Người bệnh có thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến xã được chuyển tuyến giáp ranh theo danh sách Sở Y tế phê duyệt được xem là chuyển đúng tuyến. (phụ lục đính kèm văn bản này)

#### **\* Lưu ý:**

- Giám đốc TTYT huyện/thị xã/thành phố có trách nhiệm Thông báo Danh mục kỹ thuật của đơn vị mình và quy định những danh mục bệnh cụ thể để các TYT, các đơn vị tương đương trên địa bàn biết thực hiện và báo cáo về Sở Y tế, BHXH tỉnh.

- Về khám bệnh, chữa bệnh, thành toán chi phí KCB và chuyển tuyến KCB BHYT đối với người mắc lao, lao kháng thuốc, nghi mắc lao, lao tiềm ẩn và người sử dụng dịch vụ y tế liên quan đến KCB lao thực hiện theo Thông tư số 04/2016/TT-BYT ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh lao. Trong đó, các trường hợp sau được xác định là đúng tuyến khám bệnh, chữa bệnh BHYT: Người tham gia BHYT mắc bệnh lao, lao kháng thuốc, nghi mắc lao, lao tiềm ẩn đăng ký KCB BHYT ban đầu tại cơ sở KCB tuyến xã và tương đương chuyển tuyến đến cơ sở KCB tuyến tỉnh và tương đương.

#### **b) Tuyến huyện chuyển lên tuyến trung ương:**

- Đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện: Căn cứ vào Danh mục kỹ thuật của các cơ sở KCB tuyến tỉnh đã được phê duyệt, nếu không có danh mục kỹ thuật phù hợp, thì được chuyển người bệnh lên Bệnh viện Trung ương Huế.

- Để đảm bảo quyền lợi cho người bệnh được sử dụng các kỹ thuật cao, các đơn vị khám chữa bệnh tuyến huyện, tuyến tỉnh ngoài chuyển tuyến đến Bệnh viện đa khoa Trường Đại học Y Dược Huế, còn được chuyển đến Bệnh viện Trung ương Huế thuộc các nhóm bệnh lý vượt quá khả năng chuyên môn tại đơn vị:

+ Nhóm bệnh lý về Hô hấp, cấp cứu.

+ Nhóm bệnh lý Nội tim mạch, Nội thận - Tiết niệu - Lọc máu, Nội tiết, Thần kinh: đã điều trị nội trú tại Bệnh viện Trung ương Huế và có biến chứng.

+ Nhóm bệnh lý Hô hấp cấp cứu nhi, Sơ sinh non tháng.

- + Nhóm bệnh lý Truyền nhiễm gây dịch.
- + Nhóm bệnh lý Ngoại khoa về thần kinh, sọ não, tim mạch, lồng ngực.
- + Nhóm bệnh lý Ngoại, Sản khoa có kế hoạch mổ lần 2.
- + Nhóm bệnh lý Bỏng nặng.
- + Nhóm bệnh lý Ung bướu liên quan đến ung thư, hoặc có chỉ định điều trị

*Y học hạt nhân.*

- + Nhóm bệnh lý liên quan phẫu thuật CTCH - Tạo hình, vi phẫu.
- + Nhóm bệnh lý về máu và cơ quan tạo máu liên quan đến miễn dịch.
- + Nhóm bệnh lý về dị tật bẩm sinh, biến dạng và bất thường về nhiễm sắc thể.
- + Nhóm bệnh lý TMH – RHM – Mắt: Chấn thương thanh - khí - phế quản có nguy cơ hẹp đường thở, chấn thương vùng hàm mặt phức tạp liên quan sọ não, các phẫu thuật bán cầu sau, Laser quang đông.

- Để đảm bảo thuận lợi cho người bệnh trong công tác khám chữa bệnh, các cơ sở KCB Tuyến huyện ở phía bắc của tỉnh (TTYT Hương Trà, TTYT Quảng Điền, TTYT Phong Điền) được chuyển tuyến đến Bệnh viện Trương ương Huế cơ sở 2 đối với các DMKT chưa được phê duyệt tại 03 TTYT trên nhưng đã được phê duyệt tại Bệnh viện Trung ương Huế - Cơ sở 2.

#### **4. Chuyển người bệnh từ tuyến trên về tuyến dưới:**

- Chuyển người bệnh từ tuyến trên về tuyến dưới phù hợp khi người bệnh đã được chẩn đoán, được điều trị qua giai đoạn cấp cứu, xác định tình trạng bệnh đã thuyên giảm, có thể tiếp tục điều trị ở tuyến dưới.
- Nếu người bệnh có kèm các nhóm bệnh chuyên khoa khác thì đơn vị có thể chuyển về các bệnh viện chuyên khoa phù hợp với danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt.

#### **5. Chuyển tuyến giáp ranh:**

- Giám đốc Sở Y tế hướng dẫn cụ thể việc chuyển tuyến đối với các cơ sở KCB trên địa bàn giáp ranh trong tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý (xã/phường của huyện/thị này giáp ranh với huyện/thị kia);
- Sở Y tế chủ trì phối hợp với BHXH tỉnh, thống nhất với Sở Y tế và BHXH các tỉnh giáp ranh lập danh sách các TYT xã giáp ranh có tổ chức KCB BHYT, báo cáo BHXH Việt Nam (TYT xã/phường của tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Đà Nẵng giáp ranh với TYT của tỉnh Thừa Thiên Huế);
- Chuyển tuyến giáp ranh thực hiện theo danh sách cơ sở y tế KCB trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành theo công văn này.

**Lưu ý:** Giám đốc TTYT các huyện/thị xã/thành phố có trách nhiệm:

- + Tăng cường quản lý công tác chuyển tuyến giáp ranh; quy định và thông báo cụ thể các bệnh lý, Danh mục kỹ thuật vượt khả năng chuyên môn kỹ thuật của TYT theo danh sách được chuyển tuyến giáp ranh đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp nhận và Sở Y tế, BHXH tỉnh để theo dõi.

### **III. THỦ TỤC CHUYỂN TUYẾN KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT**

#### **1. Các trường hợp được xác định là đúng tuyến khám bệnh, chữa bệnh BHYT:**

a) Người có thẻ BHYT đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến xã hoặc phòng khám đa khoa hoặc TTYT huyện/thị xã/thành phố và tương đương (BVĐK Hoàng Việt Thắng, BVĐK Giao thông vận tải Huế, Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình-Phẫu Thuật tạo hình Huế) được quyền khám bệnh, chữa bệnh BHYT tại TYT hoặc phòng khám đa khoa hoặc TTYT huyện/thị xã/thành phố và tương đương trên địa bàn tỉnh.

b) Người có thẻ BHYT được TTYT huyện/thị xã/thành phố và các BVĐK, bệnh viện chuyên khoa, phòng khám của trung tâm chuyên khoa thuộc tuyến tỉnh (theo hệ thống tổ chức mạng lưới y tế địa phương) chuyển tuyến đến các bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, phòng khám của trung tâm chuyên khoa thuộc tuyến tỉnh, cùng hạng hoặc hạng thấp hơn.

c) Trường hợp cấp cứu:

- Người bệnh được cấp cứu tại bất kỳ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nào; Bác sĩ hoặc y sĩ tiếp nhận người bệnh đánh giá, xác định tình trạng cấp cứu và ghi vào hồ sơ, bệnh án.

- Sau giai đoạn điều trị cấp cứu, người bệnh được chuyển vào điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã tiếp nhận cấp cứu người bệnh hoặc được chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác để tiếp tục điều trị theo yêu cầu chuyên môn hoặc được chuyển về nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu sau khi đã điều trị ổn định.

d) Trường hợp người bệnh được chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh có bệnh khác kèm theo; bệnh được phát hiện hoặc phát sinh ngoài bệnh đã ghi trên giấy chuyển tuyến; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi tiếp nhận người bệnh thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh đối với các bệnh đó trong phạm vi chuyên môn.

## **2. Sử dụng Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại đối với người bệnh có thẻ BHYT:**

- Trường hợp người bệnh được chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác thì chỉ cần Giấy chuyển tuyến của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi trực tiếp chuyển người bệnh đi;

- Trường hợp người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không phải là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu và sau đó được chuyển tiếp đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác thì chỉ cần Giấy chuyển tuyến của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi trực tiếp chuyển người bệnh đi;

***Lưu ý:** Trường hợp người có thẻ BHYT tự đi KCB không đúng tuyến (tự đến KCB tại các cơ sở KCB không phải nơi đăng ký KCB ban đầu ghi trên thẻ BHYT, trừ các trường hợp đi KCB theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Luật BHYT), sau đó được cơ sở KCB nơi tiếp nhận chuyển tuyến đến cơ sở KCB khác, trường hợp này vẫn xem là không đúng tuyến, quỹ BHXH thanh toán chi phí KCB theo mức hưởng “tỷ lệ” quy định tại Khoản 3, Điều 22 Luật BHYT. Ngoại trừ các trường hợp sau, vẫn được xem là chuyển “đúng tuyến”: cấp cứu; đang điều trị nội trú được phát hiện bệnh khác ngoài phạm vi chuyên môn của cơ sở KCB; tình trạng bệnh diễn biến vượt khả năng chuyên môn của cơ sở KCB. Khi đó cơ sở KCB chuyển đi ghi rõ các nguyên nhân trên tại mục “Đủ điều kiện chuyển tuyến” trong Giấy chuyển tuyến.*

- Người bệnh có thẻ BHYT mắc các bệnh, nhóm bệnh và các trường hợp được sử dụng Giấy chuyển tuyến đúng quy định thì Giấy chuyển tuyến có giá trị sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch đó. Trường hợp đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó mà người bệnh vẫn đang điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì Giấy chuyển tuyến có giá trị sử dụng đến hết đợt điều trị nội trú đó. (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định 146/2018/NĐ-CP);

- Giấy hẹn khám lại chỉ có giá trị sử dụng 01 lần trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hẹn khám lại. (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định 146/2018/NĐ-CP). Trường hợp đến KCB không đúng tuyến thì các lần KCB theo hẹn cũng là không đúng tuyến.

#### **IV. QUẢN LÝ CHUYÊN TUYỂN TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH VÀ SỬ DỤNG BIỂU MẪU, SỔ SÁCH GHI CHÉP:**

##### **1. Biểu mẫu, sổ sách ghi chép:**

Tất cả các cơ sở khám bệnh chữa bệnh phải sử dụng biểu mẫu, sổ khám bệnh thống nhất theo quy định tại Thông tư số 27/2014/TT-BYT ngày 14/8/2014, Quy định hệ thống biểu mẫu thống kê y tế áp dụng đối với cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện và xã (*Phụ lục Mẫu Sổ khám bệnh gửi kèm theo*).

##### **2. Quản lý thông tin chuyên tuyển trong KCB:**

- Các cơ sở KCB phải thực hiện đầy đủ các hình thức, điều kiện, thủ tục chuyên tuyển; Tuân thủ nội dung quản lý thông tin chuyên tuyển trong khám bệnh, chữa bệnh; Thực hiện việc chuyên tuyển theo đúng phân tuyến chuyên môn của cơ sở, hạn chế thấp nhất chuyên vượt tuyến theo chuyên môn kỹ thuật và theo hạng tương đương hiện nay.

- Thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo chuyên tuyển hàng tháng/quý/6 tháng/năm theo đúng quy định tại Thông tư 14/2014/TT-BYT, ngày 14/04/2014. (*theo mẫu đính kèm*)

- Báo cáo của các đơn vị gửi kèm file mềm số liệu qua địa chỉ Email công vụ: [nvy.syt@thuathienhue.gov.vn](mailto:nvy.syt@thuathienhue.gov.vn) và bằng văn bản kèm theo.

- Thời gian báo cáo: trước ngày 5 của tháng, quý, 6 tháng và năm tiếp theo.

##### **\* Lưu ý:**

- Các đơn vị chịu trách nhiệm về sự chính xác của số liệu báo cáo, tuyệt đối không được vận dụng chính sách thông tuyển trong khám, chữa bệnh của BHYT để trung chuyển người bệnh đến các tuyến cao hơn không đúng yêu cầu chuyên môn.

- Các PKĐK/chuyên khoa tham gia KCB BHYT tuân thủ chuyên tuyển người bệnh, đúng trình tự đến các bệnh viện/TTYT phù hợp danh mục kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Công văn này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế tất cả các văn bản của Sở Y tế số có liên quan đến chỉ đạo công tác chuyên tuyển đã ban hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị Thủ trưởng các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phản ánh về Sở Y tế để kịp thời giải quyết./.

**GIÁM ĐỐC**

##### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- BV TW Huế (để biết);
- BHXH tỉnh (để phối hợp);
- Giám đốc, các PGĐ SYT;
- BV Trường ĐHYD Huế;
- 9 TTYT huyện/thị xã/tp Huế;
- Các bệnh viện chuyên khoa, đa khoa trên địa bàn tỉnh;
- PKĐK/CK trực thuộc SYT;
- Lưu: VT, NVY.

**Nguyễn Nam Hùng**

**DANH SÁCH CƠ SỞ Y TẾ**  
**CHUYỂN TUYỂN GIÁP RANH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**  
(Đính kèm theo Công văn số 68/SYT-NVY ngày 11 tháng 01 năm 2019)

Stt	TÊN ĐƠN VỊ		Ghi chú
	Cơ sở khám chữa bệnh chuyển đi	Cơ sở khám chữa bệnh tiếp nhận*	Cơ sở khác
<b>I</b>	<b>TTYT PHÚ VANG</b>		
	1	TYT Phú Thượng	- Bệnh viện đa khoa Giao thông Vận tải Huế. - Các bệnh viện chuyên khoa: nhóm bệnh theo chuyên khoa. - TTYT TP Huế - Bệnh viện đa khoa Hoàng Việt Thắng
	2	TYT Phú Dương	
	3	TYT Phú An	
	4	TYT Phú Mậu	
	5	TYT Phú Thanh	
	6	TYT Phú Thuận	
	7	TYT Phú Hải	
	8	TYT Thuận An	
	9	PK ĐKKV Thuận An	
<b>II</b>	<b>TTYT QUẢNG ĐIỀN</b>		
	1	TYT Quảng Thành	- Bệnh viện Quân Y 268-Quân khu IV(Đối với bệnh nhân Sản chuyển đến TTYT TP Huế) - Các bệnh viện chuyên khoa: nhóm bệnh theo chuyên khoa. - TTYT Hương Trà - TTYT TP Huế - Bệnh viện đa khoa Hoàng Việt Thắng
	2	TYT Quảng Phú	
	3	TYT Quảng An	
	4	TYT Quảng Thọ	
<b>III</b>	<b>TTYT HƯƠNG THỦY</b>		
	1	TYT Thủy Vân	- Bệnh viện đa khoa Giao thông Vận tải Huế - Các bệnh viện chuyên khoa: nhóm bệnh theo chuyên khoa - TTYT TP Huế - Bệnh viện đa khoa Hoàng Việt Thắng
	2	TYT Thủy Thanh	
	3	TYT Thủy Bằng	
<b>IV</b>	<b>TTYT PHÚ LỘC</b>		
	1	TYT Lộc Thủy	- Bệnh viện đa khoa Chân Mây - Các bệnh viện chuyên khoa: nhóm bệnh theo chuyên khoa - TTYT Phú Lộc - TTYT Hương Thủy
	2	TYT Lộc Vĩnh	
	3	TYT Lộc Tiến	
	4	TYT Lăng Cô	
	5	TYT Lộc Bồn	
<b>V</b>	<b>TTYT HƯƠNG TRÀ</b>		

	1	TYT Hồng Tiến	- Bệnh viện đa khoa Bình Điền - Các bệnh viện chuyên khoa: nhóm bệnh theo chuyên khoa - Bệnh viện Giao thông vận tải Huế - Bệnh viện Quân Y 268 (Đối với bệnh nhân Sản chuyển đến TTYT TP Huế)	- TTYT TP Huế - Bệnh viện đa khoa Hoàng Việt Thăng
	2	TYT Hương Bình		
	3	TYT Bình Điền		
	4	TYT Bình Thành		
	5	TYT Hương Thọ		
	6	TYT Hải Dương		
	7	TYT Hương Phong		
	8	TYT Hương Vinh		
	9	TYT Hương Hồ		
	10	TYT Hương An		
<b>VI</b>	<b>TTYT A LƯỚI</b>			
	1	TYT Hương Nguyên	- Bệnh viện đa khoa Bình Điền - Các bệnh viện chuyên khoa: nhóm bệnh theo chuyên khoa	- TTYT TP Huế - Bệnh viện đa khoa Hoàng Việt Thăng
	2	TYT Hồng Hạ		
<b>VII</b>	<b>TTYT PHONG ĐIỀN</b>			
	1	TYT Phong An	- Các bệnh viện chuyên khoa: nhóm bệnh theo chuyên khoa - Bệnh viện đa khoa Trung ương Huế cơ sở 2. <b>Khi đáp ứng các điều kiện sau:</b> <b>1.</b> Chỉ áp dụng chuyển tuyến giáp ranh đối với những đối tượng có địa chỉ thường trú (hoặc hộ khẩu) tại 3 xã Phong An, Phong Hiền, Phong Sơn có đăng ký KCB BHYT ban đầu tại TYT của 3 xã nêu trên. <b>2.</b> Chuyển tuyến giáp ranh của 3 TYT Phong An, Phong Hiền, Phong Sơn áp dụng khi: DMKT vượt quá phạm vi đăng ký trong gói dịch vụ y tế cơ bản của TYT đã được SYT phê duyệt theo quy định tại Thông tư 39/2017/TT-BYT, quy định gói dịch vụ y tế cơ bản cho tuyến y tế cơ sở (Giám đốc TTYT huyện Phong Điền quy định cụ thể danh mục DVKT và bệnh lý được chuyển).	- TTYT Phong Điền, Quảng Điền, Hương Trà
	2	TYT Phong Hiền		
	3	TYT Phong Sơn		
<b>VIII</b>	<b>TYT CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ</b>			
	1	TYT CT cổ phần Dệt may Huế	- Bệnh viện đa khoa Giao thông Vận tải Huế - Bệnh viện Quân Y 268-Quân khu IV	



			(Đối với bệnh nhân Sản chuyển đến TTYT TP Huế) - Các bệnh viện chuyên khoa: Đối với các nhóm bệnh theo chuyên khoa	
<b>IX</b>	<b>PHÒNG Y TẾ CƠ QUAN</b>			
	1	Phòng Y tế – Bệnh viện đa khoa TW Huế	Bệnh viện đa khoa Trung ương Huế	
	2	Phòng Y tế – Bệnh viện đa khoa TW Huế cơ sở 2	Bệnh viện đa khoa Trung ương Huế cơ sở 2	

\* **Ghi chú:** Đối với bệnh nhân tham gia KCB – BHYT; ngoài danh sách các **Cơ sở khám chữa bệnh tiếp nhận**<sup>(\*)</sup>, bệnh nhân còn có thể chuyển đến các cơ sở khác: Trạm Y tế, Phòng khám Đa khoa, TTYT huyện/Thị xã/Thành phố Huế và tương đương theo tinh thần thông tuyến trong KCB – BHYT./.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
(BYT/SYT/...)  
TÊN CƠ SỞ KHÁM BỆNH  
CHỮA BỆNH  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số: .....

**GIẤY HẸN KHÁM LẠI**

Họ tên người bệnh: ..... Nam  Nữ

Sinh ngày: .../..... / .....

Địa chỉ: .....

Số thẻ bảo hiểm y tế :

--	--	--	--

Hạn sử dụng: Từ .../.../.... Đến .../.../....

Ngày khám bệnh: .../.../....

Ngày vào viện: .../.../.... Ngày ra viện: .../.../....

Chẩn đoán: .....

.....

Bệnh kèm theo: .....

Hẹn khám lại vào giờ ... ngày .... tháng .... năm ..... , hoặc đến bất kỳ thời gian nào trước ngày hẹn khám lại nếu có dấu hiệu (triệu chứng) bất thường.

Giấy hẹn khám lại chỉ có giá trị sử dụng 01 lần trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hẹn khám lại./.

**BÁC SĨ, Y SĨ KHÁM BỆNH**  
(Ký tên)

....., ngày ... tháng .... năm ...  
**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA**  
**BỆNH**  
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ  
QUẢN (BYT/SYT..)  
TÊN CƠ SỞ  
KHÁM BỆNH,  
CHỮA BỆNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số Hồ sơ: .....  
Vào sổ chuyển  
tuyển số: .....

Số: ...../20.../GCT

**GIẤY CHUYỂN TUYỂN KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ**

Kính gửi: .....

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: ..... trân trọng giới thiệu:

- Họ và tên người bệnh: ..... Nam/Nữ: ..... Tuổi: .....

- Địa chỉ: .....

- Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

- Nghề nghiệp: ..... Nơi làm việc .....

Số thẻ:

--	--	--	--

Hạn sử dụng: .....

Đã được khám bệnh/điều trị:

+ Tại: .....(Tuyến .....) Từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

+ Tại: .....(Tuyến .....) Từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

**TÓM TẮT BỆNH ÁN**

- Dấu hiệu lâm sàng: .....

.....

- Kết quả xét nghiệm, cận lâm sàng:.....

.....

- Chẩn đoán:.....

.....

- Phương pháp, thủ thuật, kỹ thuật, thuốc đã sử dụng trong điều trị:.....

.....

.....

- Tình trạng người bệnh lúc chuyển tuyển:.....

.....

.....

- Lý do chuyển tuyển: Khoanh tròn vào lý do chuyển tuyển phù hợp sau đây:

1. Đủ điều kiện chuyển tuyển.

2. Theo yêu cầu của người bệnh hoặc người đại diện hợp pháp của người bệnh.

- Hướng điều trị: .....

.....

.....

- Chuyển tuyển hồi: ..... giờ ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm 20.....

- Phương tiện vận chuyển: .....

- Họ tên, chức danh, trình độ chuyên môn của người hộ tống: .....

.....

**Y, BÁC SĨ KHÁM, ĐIỀU TRỊ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày .... tháng .... năm 20...  
**NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN CHUYỂN TUYỂN**  
(Ký tên, đóng dấu)

### Phụ lục:

(Mẫu Sổ khám bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 27/2014/TT-BYT ngày 14/8/2014, Quy định hệ thống biểu mẫu thống kê y tế áp dụng đối với cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện và xã.)

### - Sổ khám bệnh (A1/YTCS)

#### A1/YTCS SỔ KHÁM BỆNH

TT	Họ và tên	Tuổi		Số thẻ BHYT	Địa chỉ	Nghề nghiệp	Dân tộc	Triệu chứng	Chẩn đoán	Phương pháp điều trị	Y, BS khám bệnh	Ghi chú
		Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

#### Mục đích:

Sổ khám bệnh (A1/YTCS) sử dụng ghi chép các thông tin về khám chữa bệnh (KCB) của trạm Y tế xã. Sổ này cũng có thể sử dụng cho phòng khám đa khoa, chuyên khoa liên xã, phòng khám của các cơ sở y tế tư nhân, y tế ngành...

Tại trạm Y tế: Cập nhật thông tin về cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của nhân viên trạm y tế. Thông tin của Sổ sẽ là nguồn số liệu để tổng hợp báo cáo, tính toán chỉ số phục vụ đánh giá tình hình sức khỏe của xã, khả năng chuyên môn của cán bộ y tế và tình hình thực hiện tiêu chí quốc gia về y tế xã.

Sổ Khám bệnh còn được sử dụng để ghi chép các trường hợp khám chữa phụ khoa và các trường hợp TNTT, ...

Đối với các trường hợp khám bệnh là đối tượng BHYT cũng được ghi vào sổ khám bệnh và ghi rõ số thẻ và các mã để phân biệt đối tượng bảo hiểm.

Để tránh nhầm lẫn khi tổng hợp số lần khám bệnh, những người bệnh đến để nhận thuốc, băng bó, rửa vết thương, tiêm thuốc .... không được tính là lần khám bệnh. Những trường hợp trạm y tế, các cơ sở y tế tuyến trên xuống xã để khám sức khỏe định kỳ, khám nghĩa vụ quân sự, khám nha học đường, khám định kỳ cho người cao tuổi, phụ nữ, khám chiến dịch... thì chỉ tính là khám dự phòng và không ghi vào sổ khám bệnh này, có thể ghi ra biểu mẫu riêng để tiện cho việc tổng hợp.

#### Trách nhiệm ghi:

Tại TYT xã và các phòng khám: Y, bác sỹ mỗi khi khám bệnh phải có trách nhiệm ghi trực tiếp đầy đủ các thông tin như đã quy định trong sổ. Trưởng TYT hoặc trưởng phòng khám có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi và tổng hợp báo cáo số liệu định kỳ gửi tuyến trên, chịu trách nhiệm chất lượng thông tin ghi chép trong sổ và số liệu trong báo cáo. Đối với TYT, sổ này còn là biên bản về tình hình sức khỏe diễn ra trong địa bàn xã/phường. Trường hợp cán bộ y tế đến khám bệnh và chữa bệnh tại nhà của bệnh nhân cũng được ghi chép vào sổ này.

#### Phương pháp ghi chép: Sổ gồm 13 cột

Ghi từng ngày, tháng khám bệnh (ngày, tháng, năm) vào chính giữa quyển sổ.

- Cột 1 (thứ tự): Ghi số thứ tự từ 1 đến (n) theo từng tháng.

Sang tháng tiếp theo lại ghi thứ tự như tháng trước.

- Cột 2 (họ tên): Ghi đầy đủ họ tên người bệnh. Đối với trẻ dưới 1 tuổi, nếu cần có thể ghi thêm tên mẹ hoặc người nuôi dưỡng để tiện tìm kiếm và theo dõi

- Cột 3, 4 (tuổi): Ghi số tuổi ở cột (nam) nếu là bệnh nhân (BN) nam, hoặc ghi số tuổi ở cột (nữ) nếu là BN nữ. Nếu trẻ em dưới 1 tuổi cần ghi rõ số tháng tuổi và dưới một tháng tuổi thì ghi ngày tuổi (ví dụ: trẻ được 28 ngày thì ghi 28<sup>ng</sup>, trẻ được 6 tháng tuổi thì ghi 6<sup>th</sup>).

- Cột 5 (số thẻ BHYT): Ghi toàn bộ số thẻ của bệnh nhân và mã thẻ
- Cột 6 (địa chỉ): Ghi địa chỉ thường trú của BN (thôn/đội/ấp). Đối với những người ở xã khác ghi thêm xã; đối với người của huyện khác thì ghi thêm huyện tương tự như vậy đối với người ở tỉnh khác thì ghi tỉnh, huyện, xã.
- Cột 7 (nghề nghiệp): Ghi nghề nghiệp chính của BN, trong trường hợp một người bệnh đến khám có nhiều nghề thì ghi nghề nào mà sử dụng nhiều thời gian làm việc nhất.
- Cột 8 (dân tộc): Ghi rõ BN thuộc dân tộc gì như kinh, nùng, tày v.v...
- Cột 9 (triệu chứng chính): Ghi rõ các triệu chứng chính. Đối với trẻ em dưới 5 tuổi cần ghi rõ dấu hiệu hay hội chứng hoặc triệu chứng chính.
- Cột 10 (chẩn đoán): Cần ghi rõ chẩn đoán sơ bộ hoặc phân loại của y tế cơ sở.
- Cột 11 (phương pháp điều trị): Ghi rõ tên thuốc, số lượng (viên, ống), số ngày sử dụng. Đối với các loại vitamin thì ghi tên vitamin, không cần ghi liều lượng ngày sử dụng. Trong trường hợp bệnh nhân điều trị bằng YHCT thì ghi tóm tắt như châm cứu, thuốc đông y hoặc thang thuốc.
- Cột 12 (y, bác sĩ khám bệnh): Ghi rõ chức danh y bác sĩ và tên người khám bệnh.
- Cột 13 (ghi chú): Nếu BN phải gửi tuyến trên hoặc các thông tin khác không có trong các cột mục trên.

Cuối mỗi tháng kê soát để phân biệt với tháng sau và tổng hợp một số thông tin chính như tổng số lần khám bệnh, một số bệnh tật chính để đưa vào báo cáo hàng tháng, quý, năm.

**PHỤ LỤC SỐ 2a**

**Mẫu bảng tổng hợp thông tin chuyển người bệnh đi các tuyến**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

SỞ Y TẾ THỪA  
 THIÊN HUẾ  
 PKĐK.....  
 Số /BC-  
 .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày      tháng      năm 201

**TỔNG HỢP THÔNG TIN CHUYỂN NGƯỜI BỆNH ĐI CÁC TUYẾN**

Tháng ..... năm.....

TT	Họ và tên người bệnh	Tuổi, giới		Số thẻ BHYT (nếu có)	Khoa/Phòng chuyển NB	Chẩn đoán khi chuyển tuyến	Hình thức chuyển				Lý do chuyển		Tên cơ sở khám, chữa bệnh nhận người bệnh (nơi nhận)	Kết quả điều trị, xử lý của tuyến trên				Ghi Chú	
		Nam	Nữ				1a	1b	2	3	4	5		8	9	10	11		
	Tổng cộng																		

## NGƯỜI LẬP BẢNG

**GIÁM ĐỐC**  
**(ký tên đóng dấu)**

### Ghi chú:

- 1a: Chuyển người bệnh từ tuyến dưới lên tuyến trên liền kề (theo trình tự)
- 1b: Chuyển người bệnh từ tuyến dưới lên tuyến trên không qua tuyến liền kề (không theo trình tự)
2. Chuyển người bệnh từ tuyến trên về tuyến dưới
3. Chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong cùng tuyến
4. Chuyển người bệnh đi các tuyến theo yêu cầu chuyên môn
5. Chuyển theo nguyện vọng của người bệnh hoặc đại diện hợp pháp của người bệnh (tự nguyện)
6. Chuyển đúng tuyến CMKT gồm các trường hợp chuyển người bệnh theo đúng quy định tại các Khoản 1,2,3,4 Điều 5 Thông tư
7. Chuyển vượt tuyến CMKT gồm các trường hợp chuyển người bệnh không theo quy định tại các Khoản 1,2,3,4 Điều 5 Thông tư
8. Tình trạng bệnh thuyên giảm, triển triển tốt, ra viện
9. Tình trạng bệnh không thuyên giảm, nặng lên
10. Tử vong
11. Tuyến trên chuyển về cơ sở KBCB nơi gửi NB để tiếp tục điều trị

**PHỤ LỤC SỐ 2b:**

**Mẫu tổng hợp thông tin nhận người bệnh từ các tuyến chuyên đến**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

SỞ Y TẾ THỪA  
THIÊN HUẾ  
BỆNH  
VIỆN .

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /BC-.....

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 201

**TỔNG HỢP THÔNG TIN NHẬN NGƯỜI BỆNH TỪ CÁC TUYẾN CHUYÊN ĐẾN**  
**Tháng ..... Năm 20**

TT	Họ và tên người bệnh	Tuổi, giới		Thẻ BHYT T (nếu có)	Tên CSKB CB chuyển NB đến	Chẩn đoán của CSKBC B chuyển NB	Hình thức chuyển				Lý do chuyển		Chuyển đúng tuyến CMK T	Chuyển vượt tuyến CMK T	Kết quả điều trị và xử lý của cơ sở KBCB				Chẩn đoán ra viện	Ghi chú (sai sót chuyên môn, chẩn đoán khác biệt của tuyến dưới...)			
		Na m	N ữ				1a	1b	2	3	4	5			6	7	8	9			10	11	
1																							
2																							
3																							
....																							
	Tổng cộng																						



## NGƯỜI LẬP BẢNG

## NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU/NGƯỜI PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN (ký tên đóng dấu)

Ghi chú:

- 1a: Chuyển người bệnh từ tuyến dưới lên tuyến trên liền kề (theo tình tự)
- 1b: Chuyển người bệnh từ tuyến dưới lên tuyến trên không qua tuyến liền kề (không theo trình tự)
2. Chuyển người bệnh từ tuyến trên về tuyến dưới
3. Chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong cùng tuyến
4. Chuyển người bệnh đi các tuyến theo yêu cầu chuyên môn
5. Chuyển theo nguyện vọng của người bệnh hoặc đại diện hợp pháp của người bệnh (tự nguyện)
6. Chuyển đúng tuyến CMKT gồm các trường hợp chuyển người bệnh theo đúng quy định tại các Khoản 1,2,3,4 Điều 5 Thông tư
7. Chuyển vượt tuyến CMKT gồm các trường hợp chuyển người bệnh không theo quy định tại các Khoản 1,2,3,4 Điều 5 Thông tư
8. Tình trạng bệnh thuyên giảm, tiến triển tốt, ra viện
9. Tình trạng bệnh không thuyên giảm, nặng lên
10. Tử vong
11. Tuyến trên chuyển về cơ sở KBCB nơi gửi NB để tiếp tục điều trị
12. Tuyến trên giữ lại để tiếp tục điều trị sau 72h.

**PHỤ LỤC SỐ 5:**

MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC CHUYỂN TUYỂN (ĐỊNH KỲ HẰNG QUÝ/6 THÁNG/ HẰNG NĂM)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỆNH VIỆN .

Số /BC-

.....

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 201...

**BÁO CÁO****Công tác chuyển tuyển**

Từ ngày tháng năm 201... đến ngày tháng năm 201...

**I. Báo cáo tình hình người bệnh chuyển đi các tuyến**

TT	Tên chuyên khoa	Tổng số (TS) NB khám, điều trị		Tổng số NB chuyển đi		Có thẻ BHYT	Hình thức chuyển đi				Lý do chuyển đi		Số lượng NB chuyển đi các tuyến					
		Khám ngoại trú	Điều trị nội trú	Số lượng (SL)	Tỷ lệ %		1a	1b	2	3	4	5	Tuyển 1	Tuyển 2	Tuyển 3	Tuyển 4		
1																		
2																		
3																		
4																		
	<b>Tổng</b>																	

1a: Chuyển người bệnh từ tuyến dưới lên tuyến trên liền kề (theo trình tự)

1b: Chuyển người bệnh từ tuyến dưới lên tuyến trên không qua tuyến liền kề (không theo trình tự)

2. Chuyển người bệnh từ tuyến trên về tuyến dưới
3. Chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong cùng tuyến
4. Chuyển người bệnh đi các tuyến theo yêu cầu chuyên môn
5. Chuyển theo yêu cầu của người bệnh hoặc đại diện hợp pháp của người bệnh

**Ghi chú: 01 bệnh nhân, hoặc nằm trong cột ngoại trú hoặc trong cột nội trú**

## II. Báo cáo tình hình người bệnh từ các tuyến chuyển đến:

### a) Phân tích tình hình người bệnh chuyển đến theo chuyên khoa

TT	Tên cơ sở KB, CB nơi chuyển NB đến	Tổng số NB đã chuyển đến	Bệnh thuộc chuyên khoa										Ghi chú									
			Nội	Ngoại	Sản	Nhi	Ung bướu	...	...	...	...	...										
<b>Cộng</b>																						

### b) Tổng hợp tình hình người bệnh chuyển đến

TT	Tên cơ sở KB, CB nơi chuyển NB đến (*)	Tổng số NB đã chuyển đến	Số NB có thể BHYT	Hình thức chuyển tuyến đến								Lý do chuyển đến				Chẩn đoán phù hợp		Chẩn đoán khác biệt		Ghi chú			
				1a		1b		2		3		4		5									
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%				
1																							
2																							
3																							
4																							
5																							
<b>Cộng</b>																							

**Ghi chú:**

- 1a: Chuyển người bệnh từ tuyến dưới lên tuyến trên liền kề (theo trình tự)  
 1b: Chuyển người bệnh từ tuyến dưới lên tuyến trên không qua tuyến liền kề (không theo trình tự)  
 2. Chuyển người bệnh từ tuyến trên về tuyến dưới  
 3. Chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong cùng tuyến  
 4. Chuyển người bệnh đến theo yêu cầu chuyên môn  
 5. Chuyển theo yêu cầu của người bệnh hoặc đại diện hợp pháp của người bệnh

(\* ) **Thống kê theo từng nhóm: 9 TTYT huyện thị/ Các PKĐK tư nhân/ Các TYT/ Ngoại tỉnh**

**c. Liệt kê các trường hợp cần rút kinh nghiệm về chuyên môn**

TT	Họ tên NB	Địa chỉ	Tuổi/ giới		Tên CSKB,CB gửi NB	Chẩn đoán của cơ sở KBCB chuyển NB	Ngày vào viện	Chẩn đoán ra viện	Nội dung chuyên môn cần rút kinh nghiệm	Phản hồi		Ghi chú
			Nam	Nữ						Có	Không	
	<b>Tổng số</b>											

**3. Liệt kê 10 nhóm bệnh tuyến dưới chuyển tuyến đi nhiều nhất:**

TT	Nhóm bệnh/ hội chứng	Số lượt chuyển tuyến	Nơi chuyển đi	Tỷ lệ*
1				
2				
3				
4				

5				
6				
7				
8				
9				
10				
	<b>Tổng cộng</b>			

**4. Liệt kê 10 nhóm bệnh tuyến dưới chuyển tuyến đến nhiều nhất:**

<b>TT</b>	<b>Nhóm bệnh/ hội chứng</b>	<b>Số lượt chuyển tuyến</b>	<b>Nơi chuyển đến</b>	<b>Tỷ lệ*</b>
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
	<b>Tổng cộng</b>			

(\* Tỷ lệ nhóm bệnh tuyến dưới chuyển tuyến nhiều nhất = số lượt chuyển tuyến của nhóm bệnh / tổng số ca chuyển tuyến của tất cả các BV tuyến dưới chuyển đến.)

**III. Đánh giá kết quả thực hiện:**

**IV. Đề xuất, kiến nghị:**

(về việc thực hiện công tác chuyên môn, vận chuyển người bệnh, đề xuất nhu cầu đào tạo, chuyển giao kỹ thuật....)

*Nơi nhận*

Sở Y tế;

Lưu VT, KHTH.

**GIÁM ĐỐC/TRƯỞNG PHÒNG KHÁM**

